

*Hoạt động sở hữu công nghiệp trong những năm qua có nhiều tiến bộ vượt bậc: Hệ thống pháp luật đang dần được hoàn thiện, số lượng và tốc độ xử lý đơn đăng ký được nâng lên đáng kể... Thế nhưng hiện nay còn quá nhiều việc đặt ra cho hệ thống sở hữu công nghiệp (sáu đối tượng mới chưa có văn bản bảo hộ). Trong năm 2000, cùng với những cố gắng của ngành, Nhà nước cần đầu tư thoả đáng để hoạt động sở hữu công nghiệp nước ta thực hiện lộ trình gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, đồng thời tham gia các hoạt động hội nhập trong khuôn khổ ASEAN, APEC...*

Năm 1999 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc chuẩn bị điều kiện để Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ về sở hữu trí tuệ được ấn định trong Hiệp định TRIPS-WTO, vì vậy cần nỗ lực để thực hiện các nhiệm vụ lớn như: Hoàn thành các văn bản pháp luật liên quan đến sở hữu công nghiệp (SHCN); nâng cao năng lực của hệ thống SHCN; quy hoạch lại công tác thông tin-tư liệu; tăng cường hợp tác quốc tế; cải tiến thủ tục hành chính... Tuy nhiên do điều kiện, Cục chỉ được cấp khoảng 60% tổng số kinh phí và 82% số nhân lực cần thiết. Vì vậy, Cục đã xin phép được cắt giảm một số hạng mục công việc, trong đó có một số công việc liên quan trực tiếp đến việc thực hiện lộ trình gia nhập WTO của Việt Nam. Cục đã triển khai và phối hợp với một số ngành, địa phương tiến hành các hoạt động cụ thể. Sau đây là các kết quả tổng quát về hoạt động SHCN trong năm qua.

### 1. Về việc xây dựng và hoàn thiện các quy phạm pháp luật và ban hành các chính sách mới.

- Tiếp tục các chương trình đã bắt đầu từ năm 1998, trong năm qua Cục SHCN tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chính phủ ba văn bản liên quan đến SHCN. Kết quả là ngày 6/3/1999, Chính phủ chính thức ban hành Nghị định số 12/1999/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực SHCN. Hai văn bản còn lại mặc dù đã được trình từ nửa đầu năm 1999 cho đến nay vẫn chưa được ban hành, đó là: Nghị định về bảo hộ thông tin bí mật, chỉ dẫn nguồn gốc địa lý hàng hoá, tên thương mại và chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN và Nghị định về việc sửa đổi một số điều khoản của Nghị định 63/CP. Việc ban hành Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN là một sự kiện nổi bật nhất trong công tác xây dựng pháp luật SHCN. Các quy phạm pháp luật đề cập tới trong văn bản này không những đáp ứng các yêu cầu cấp bách trong việc thực thi

## NHÌN LẠI HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP NĂM 1999

**TS PHẠM ĐÌNH CHƯỞNG**

*Cục trưởng Cục sở hữu công nghiệp  
Bộ KH, CN & MT*

quyền SHCN của cả các chủ sở hữu quyền lẫn các cơ quan hành chính có chức năng bảo đảm thi hành pháp luật mà còn làm tăng hiệu quả pháp luật về SHCN của nước ta, góp phần đáp ứng một trong các yêu cầu của Hiệp định TRIPS-WTO.

Một việc quan trọng khác liên quan tới hoạt động xây dựng pháp luật SHCN là việc Cục phối hợp với Ủy ban pháp luật Quốc hội và Ban soạn thảo Dự luật sửa đổi Bộ luật hình sự để xây dựng một điều luật về tội xâm phạm quyền SHCN. Điều luật nói trên đã được đệ trình và được Quốc hội thông qua trong kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa 10. Điều luật này cùng với các chế tài hành chính và dân sự đã có khiến cho hệ thống các biện pháp chế tài của pháp luật SHCN của Việt Nam đã tương đối đầy đủ, khá phù hợp với tiêu chuẩn của WTO.

- Ngoài ba văn bản trình Chính phủ nói trên, Cục cũng phối hợp với một số cơ quan khác biên soạn bốn văn bản cấp bộ, cụ thể là: Dự thảo Thông tư liên tịch (Toà án nhân dân tối cao - Bộ KH, CN & MT) về việc xử lý các tranh chấp về SHCN; Dự thảo Thông tư liên tịch (Tổng cục Hải quan - Bộ KH, CN & MT) về kiểm soát biên giới liên quan đến SHCN; Dự thảo Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN; Dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 23/TC-TCT liên quan đến phí và lệ phí về SHCN. Tất cả các dự thảo nói trên đều đã được hoàn thành và đang ở trong giai đoạn lấy ý kiến đóng góp của các

cơ quan liên quan.

- Trong công tác xây dựng pháp luật, tiếp tục công việc của năm trước, năm qua Cục SHCN cũng đã hoàn thành nhiệm vụ rà soát và hệ thống hoá tất cả các văn bản pháp luật liên quan. Cục đã đưa ra một danh sách hệ thống hoá 76 văn bản pháp luật có điều khoản liên quan đến SHCN trong đó kiến nghị đình chỉ hiệu lực của 17 văn bản đã lỗi thời.

Công tác xây dựng pháp luật và chính sách năm qua tiếp tục được Cục SHCN chú trọng tiến hành. Kết quả của hoạt động này nhìn chung là hoàn thành các chỉ tiêu đã đặt ra. Tuy nhiên, so với số văn bản đã được ban hành là ít so với số văn bản đã được đệ trình và quá ít so với số văn bản đã khởi thảo. Nhiều quy phạm pháp luật còn thiếu vẫn chưa được bổ sung. Nhiều quy phạm đã có - chẳng hạn các quy phạm về xử lý hành chính - nhưng chưa được hướng dẫn thi hành một cách cụ thể. Điều đó một mặt hạn chế hiệu lực thực tế của pháp luật, một mặt làm chậm tiến trình đạt tới mục tiêu phấn đấu hội nhập quốc tế, mặt khác làm cho nhiệm vụ này của năm 2000 càng trở nên nặng nề hơn.

### 2. Về công tác tổ chức, triển khai thi hành pháp luật.

- Ngay sau khi Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN được ban hành, Cục SHCN đã phối hợp với Thanh tra Bộ KH, CN & MT tiến hành phổ biến văn bản đến tất cả các địa phương và đã tổ chức hai lớp nghiên cứu và bàn biện

pháp triển khai thi hành Nghị định đó cho thanh tra các sở KH, CN&MT của tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước. Cục cũng tổ chức một lớp tập huấn về Nghị định này cho các cán bộ lãnh đạo và chuyên trách SHCN của các tỉnh, thành phố. Ngoài ra, một số lớp tập huấn dành cho các cơ quan khác (Quản lý thị trường, Hải quan, Công an kinh tế v.v.) cũng đã được tổ chức ở một số tỉnh. Nhờ vậy, tinh thần và nội dung chủ yếu của Nghị định mới nói trên đã được quán triệt tới tất cả các cơ quan chức năng được Chính phủ phân công trách nhiệm.

- Cùng với các văn bản pháp luật đã được ban hành từ trước, Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực SHCN đã từng bước phát huy tác dụng. Các cơ quan thực thi pháp luật đã có cơ sở pháp lý để tiến hành các biện pháp ngăn ngừa và xử lý nhiều vụ việc xâm phạm, vi phạm về SHCN. Vấn đề SHCN nhờ đó đã được chú trọng hơn trong quá trình làm thủ tục cấp phép đầu tư, kinh doanh và xuất nhập khẩu.

- Trong quá trình tổ chức thực thi các văn bản và chính sách về SHCN, mối quan hệ phối hợp giữa Cục SHCN và các bộ phận quản lý SHCN thuộc các sở KH, CN&MT và giữa cơ quan quản lý SHCN với các cơ quan khác như Hải quan, Công an kinh tế, Quản lý thị trường... đã được củng cố và tăng cường hơn những năm trước. Hầu hết các vụ việc có nội dung xử lý về SHCN đều được các cơ quan này cùng phối hợp thực hiện, do đó nhìn chung đã bảo đảm sự chính xác, thoả đáng trong các quyết định xử lý. Mặc dầu vậy, thực tế đang chứng tỏ rằng việc phân công trách nhiệm cho quá nhiều cơ quan như trên đã hạn chế sự linh hoạt, tính kịp thời của các thao tác hành chính cần thiết.

### 3. Tiếp nhận và xử lý đơn SHCN.

- Một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và có khối lượng lớn trong quá trình thực thi pháp luật về SHCN là việc tiếp nhận, xử lý các đơn đăng ký quyền SHCN. Tính đến hết ngày 31.12.1999, kết quả của công việc này như sau:

*Tổng số đơn về SHCN mới tiếp nhận là 11426 đơn các loại, trong đó 6382 đơn đăng ký các loại đối tượng SHCN nộp trực tiếp*

*(gồm 4166 đơn nhãn hiệu, 1185 đơn sáng chế và giải pháp hữu ích, 1031 đơn kiểu dáng công nghiệp); 3734 đơn đăng ký nhãn hiệu nộp theo Thoả ước Madrid và 1310 đơn các loại khác (chuyển nhượng, sửa đổi, gia hạn).*

*Tổng số đơn đã được xử lý là 12348 đơn, trong đó có 7058 đơn đăng ký nộp theo thể thức quốc gia (nhãn hiệu hàng hoá là 5241 đơn, sáng chế và giải pháp hữu ích là 630 đơn, kiểu dáng công nghiệp là 1167 đơn), và 4271 đơn đăng ký nhãn hiệu nộp theo Thoả ước Madrid và 1019 đơn các loại khác. Kết quả xử lý số đơn đăng ký SHCN như sau: Số đơn được chấp nhận bảo hộ là 5734 đơn (nhãn hiệu hàng hoá 4217, sáng chế/giải pháp hữu ích 526, kiểu dáng công nghiệp 991) và 3905 đơn nhãn hiệu theo Thoả ước Madrid; số đơn bị từ chối là 1324 (nhãn hiệu hàng hoá 1024, sáng chế/giải pháp hữu ích 104, kiểu dáng công nghiệp 196).*

So với năm 1998, số đơn đăng ký quyền SHCN tại Việt Nam (bao gồm cả đơn nộp trực tiếp và nộp theo Thoả ước Madrid) tiếp tục giảm (10116 so với 10240) nhưng tốc độ giảm sút số đơn đã chậm lại (còn khoảng 1,2%, so với 8% năm 1998).

Cũng so với năm 1998, có hai chỉ số quan trọng liên quan đến công việc tiếp nhận và xử lý đơn đã tăng lên, đó là: Tổng số đơn đã được xử lý tại Cục đã vượt quá số đơn tiếp nhận (số đơn mới nhận: 11426, số đơn đã xử lý 12248) và số lệ phí thu nộp ngân sách đạt 24127 triệu đồng (vượt 6060 triệu đồng so với năm 1998).

### 4. Hoạt động thông tin - tư liệu.

Thông tin - tư liệu đóng vai trò quan trọng trong hoạt động SHCN nói chung. Trong năm 1999, công tác này tiếp tục được duy trì và đã bảo đảm đáp ứng được những yêu cầu về thông tin cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Cục và phần nào các yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh. Cục SHCN đã bảo đảm công bố kịp thời, đúng pháp luật các thông tin pháp lý về các quyền SHCN mới đăng ký tại Cục bằng cách ấn hành đều đặn các số Công báo SHCN theo quy định với 12 số, mỗi số 2 tập, mỗi tập 500 bản, với tổng số khoảng 5300 trang. Ngoài ra, Cục

cũng đã ấn hành 3000 bản giới thiệu toàn văn các văn bản pháp luật về SHCN. Kho tư liệu sáng chế tiếp tục được bổ sung khoảng 1,2 triệu tư liệu sáng chế mới (chủ yếu dạng đĩa quang) đưa tổng số bản mô tả sáng chế có tại Việt Nam lên khoảng 20,5 triệu bản. Kho dữ liệu này đã phục vụ đắc lực cho công tác xét nghiệm đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích. Ngoài ra, Cục đã hoàn thành việc xây dựng kho dữ liệu điện tử về nhãn hiệu hàng hoá đăng ký quốc gia. Kho này đã có thể đưa vào khai thác và đang thường xuyên được cập nhật. Như vậy, cùng với kho dữ liệu giấy đã qua xử lý của Cục về kiểu dáng công nghiệp do WIPO ấn hành, Cục đã có một cơ sở dữ liệu SHCN tạm đủ để phục vụ cho công tác xét nghiệm đơn đăng ký SHCN.

Các kho trên không chỉ được khai thác nhằm mục đích xét nghiệm mà còn được rộng mở phục vụ nhu cầu tìm tin của các nhà nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh. Cục đã phục vụ tại chỗ hơn 600 lượt độc giả tìm tin về sáng chế, ngoài ra còn cung cấp hàng nghìn tư liệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá theo yêu cầu từ xa.

Mặc dầu có những thành quả trên, hoạt động thông tin SHCN vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu và chưa có chuyển biến gì lớn so với năm 1998. Cục SHCN chưa đưa ra được biện pháp nào có ý nghĩa để tăng cường hiệu quả của hoạt động này. Thông tin SHCN vẫn chưa được phổ biến rộng rãi. Số lượng người khai thác tin vẫn rất ít. Cơ sở dữ liệu SHCN vẫn bị tách rời với người dùng tin, chưa hình thành mạng thông tin SHCN của cả nước.

### 5. Hoạt động hợp tác quốc tế.

Trong năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế về SHCN tiếp tục là một trong các hoạt động thường xuyên, có hiệu quả nhưng cũng mất nhiều công sức. Mục tiêu của hoạt động này một mặt là thúc đẩy quá trình giao lưu, chuẩn bị các điều kiện để hội nhập với thế giới và khu vực về SHCN, mặt khác nhằm tranh thủ kinh nghiệm, sự trợ giúp của thế giới để bổ sung khả năng cho hệ thống SHCN của nước ta. Các quan hệ sẵn có với WIPO, EPO, OHIM, JPO, INPI, AIPO, DIP, ROSPATENT tiếp tục được

củng cố và phát triển. Các nội dung và chương trình hợp tác tay đôi được triển khai đúng kế hoạch và thu được kết quả tốt. Trong khuôn khổ ASEAN và APEC, Cục đã đảm đương vai trò cơ quan đầu mối hợp tác và thực hiện các chương trình chung về sở hữu trí tuệ. Dự án EU-Việt Nam về sở hữu trí tuệ tiếp tục được triển khai nhưng do một số trục trặc về tổ chức và nhân sự của phía EC, dự án đã phải kéo dài thêm một năm, tức là đến hết năm 2000 mới kết thúc.

Hai sự kiện quan trọng về hợp tác quốc tế trong năm qua là: Ký Hiệp định về sở hữu trí tuệ giữa hai Chính phủ Việt Nam và Thụy sĩ (tháng 7/1999); ký Thỏa thuận triển khai Dự án do JICA tài trợ nhằm hiện đại hoá việc quản lý SHCN tại Việt Nam (tháng 12/1999). Hiệp định với Thụy sĩ đã được Chính phủ Việt Nam phê duyệt và Chính phủ Thụy sĩ cũng đang chuẩn bị trình Quốc hội Liên bang phê duyệt. Khoảng tháng 3/2000, hai phía Việt Nam và Thụy sĩ sẽ xúc tiến những công việc triển khai thi hành Hiệp định, trong đó sẽ có một Dự án khác hỗ trợ Việt Nam nâng cao khả năng của hệ thống SHCN. Như vậy, cùng với Dự án JICA, sắp tới Cục sẽ phải chuẩn bị các điều kiện để tiếp nhận một cách có hiệu quả nhất các nguồn tài trợ quốc tế.

Ngoài các công việc trên đây, năm qua Cục SHCN tiếp tục chủ trì việc đàm phán về sở hữu trí tuệ trong Hiệp định thương mại, Hiệp định khoa học và công nghệ với Mỹ và chuẩn bị đàm phán với WTO. Nói chung, việc chuẩn bị và tiến trình đàm phán là có hiệu quả và được đánh giá là tốt.

Kết quả của các hoạt động hợp tác nói trên đã có tác động tích cực tới việc nâng cao năng lực và uy tín quốc tế của Cục SHCN. Rất nhiều kinh nghiệm của các nước và các khu vực đã được tiếp thu và vận dụng một cách sáng tạo tại Việt Nam. Những gì Việt Nam đã làm được về SHCN nói chung là đáp ứng các tiêu chuẩn tương ứng được Hiệp định TRIPS-WTO quy định.

## 6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

Tiếp tục thực hiện chủ trương tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hoạt động SHCN, năm qua Cục SHCN đã đồng thời triển khai hoạt động này ở

trong Cục, ở các địa phương, ở các cơ quan khác và ở nước ngoài. Cục đã chủ trì hoặc phối hợp tổ chức 33 lớp tập huấn, cuộc hội thảo hoặc khoá học chuyên đề về SHCN dành cho khoảng 2900 người, trong đó có các chuyên đề ngắn hạn cho khoảng 200 sinh viên.

Trong năm qua, Cục SHCN đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Hoạt động SHCN tiếp tục ổn định và đạt thêm một số kết quả mới. Hệ thống SHCN nước ta đã khắc phục được một phần sự thiếu hiệu quả của cơ chế bảo hộ thông qua hệ thống pháp luật đang dần được hoàn thiện, nhờ đó chúng ta đã đi thêm được một bước có ý nghĩa trên con đường phấn đấu đáp ứng các điều kiện của WTO. SHCN đang dần dần trở thành một hoạt động được cả xã hội quan tâm. Quan hệ hợp tác quốc tế về SHCN tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu. Tốc độ xử lý đơn, nhất là đơn sáng chế và giải pháp hữu ích đã được nâng lên đáng kể, do đó đã giảm thiểu tình trạng ứ đọng đơn, tạo đà để khắc phục tình trạng này trong năm nay. Số lượng đơn đăng ký SHCN đang dần hồi phục và bắt đầu có xu hướng tăng sau ba năm liên tục suy giảm do tác động của khủng hoảng tài chính khu vực và những khó khăn ở trong nước.

Tuy nhiên, hoạt động SHCN năm qua cũng tiếp tục bộc lộ những nhược điểm: Còn quá nhiều nhiệm vụ đặt ra cho một hệ thống SHCN đầy đủ, có hiệu quả nhưng chưa được thực hiện trong khi thời gian dành cho việc giải quyết các nhiệm vụ đó còn quá ít: Sáu đối tượng mới chưa có văn bản pháp luật để bảo hộ và nói chung chưa chuẩn bị đầy đủ điều kiện nhân lực và vật chất để sẵn sàng bảo hộ các đối tượng này; hệ thống bảo đảm thực thi tiếp tục chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình, do đó tình trạng vi phạm, xâm phạm SHCN tiếp tục tràn lan, nạn hàng giả có yếu tố vi phạm SHCN vẫn rất phổ biến. Tình trạng quá tải của Cục SHCN tiếp tục diễn ra, số lượng đơn và số lượng các công việc tác nghiệp quá nhiều, vượt quá khả năng của Cục trong khi cán bộ, nhân viên không được bổ sung kịp thời; đầu tư của Nhà nước cho SHCN tiếp tục ở mức quá thấp; hậu quả là Cục SHCN chỉ đủ khả năng hoạt động tác nghiệp với công nghệ thủ công là chủ yếu,

không có đủ nhân lực, thời gian để tổ chức các hoạt động nghiên cứu những vấn đề lâu dài và có tính chất chiến lược, tình trạng tồn đọng đơn chậm được khắc phục. Trình độ cán bộ nói chung của toàn bộ hệ thống SHCN tiếp tục chậm được nâng cao, khó khăn đó cùng với trình độ công nghệ lạc hậu khiến cho những khó khăn, bất cập càng ảnh hưởng tới chất lượng của hoạt động này.

\*

\* \*

Năm 2000 không chỉ có những ý nghĩa liên quan tới các mốc tính thời khắc mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với lộ trình phát triển SHCN ở Việt Nam, nhất là trong việc thực hiện lộ trình gia nhập WTO và tham gia các hoạt động hội nhập trong khuôn khổ ASEAN, APEC... Những nhiệm vụ cần giải quyết về SHCN trong lộ trình nói trên nhằm chuẩn bị các điều kiện để góp phần thực hiện các chương trình phát triển, CNH, HĐH đất nước trong thế kỷ tới. Để đạt được các mục tiêu nói trên, hoạt động SHCN trong năm 2000 phải theo hướng sau đây:

+ *Một là*, tiếp tục hoàn tất khung pháp luật đầy đủ về SHCN, trong đó cần soạn thảo các văn bản về việc bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp, đồng thời cần có các văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản đã được ban hành.

+ *Hai là*, tiếp tục củng cố hệ thống các cơ quan quản lý SHCN từ Trung ương tới các địa phương, đặc biệt chú ý nâng cao năng lực của các cơ quan của địa phương, tập trung thực hiện các chức năng kiểm tra, kiểm soát hỗ trợ cho việc bảo đảm thực thi pháp luật về SHCN.

+ *Ba là*, tiến hành cải tiến mạnh mẽ các thủ tục và thao tác hành chính nhằm tăng năng suất và tốc độ xử lý đơn, giảm bớt các thao tác thừa và bãi bỏ các thủ tục không cần thiết; chuẩn bị các điều kiện để tiến tới tự động hoá cơ bản các hoạt động của Cục và của cả hệ thống.

+ *Bốn là*, tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế nhằm hỗ trợ việc củng cố các nguồn lực trong nước.

Biên tập: Nguyễn Công Mai



### THÊM 3 ĐỀ TÀI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHCN.09 ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ XUẤT SẮC

nghiên cứu hiện trạng và tiềm năng tiết kiệm năng lượng trong một số ngành và thiết bị công nghiệp sử dụng

**T**rong tháng 01/2000 3 đề tài: KHCN.09.07, KHCN.09.08, KHCN.09.09 thuộc Chương trình KHCN cấp nhà nước: "Xây dựng chiến lược và chính sách phát triển năng lượng bền vững" đã được nghiệm thu ở cấp nhà nước và đều được đánh giá đạt loại xuất sắc. Nhìn chung cả 3 đề tài đều đã tập hợp được một lực lượng khá đông đảo các nhà khoa học, các nhà quản lý của nhiều cơ quan để thực hiện nhiệm vụ được giao. Các đề tài đều bảo đảm đúng tiến độ, hoàn thành tốt mục tiêu, nội dung đã được phê duyệt và được các hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước đánh giá cao.

Đề tài KHCN.09.07: "Xây dựng chính sách giá năng lượng" do Trường đại học bách khoa Hà Nội chủ trì, PGS.TS Nguyễn Minh Duệ làm chủ nhiệm, sau khi nghiên cứu tổng quan, các yếu tố liên quan đến giá, cơ sở hình thành giá, tính toán, dự báo về giá... của dầu thô, các sản phẩm dầu, khí đốt, than và điện, đánh giá hiện trạng chính sách giá năng lượng ở Việt Nam, đã đưa ra những định hướng về chính sách giá năng lượng, những kiến nghị xác đáng về nội dung chính sách giá năng lượng ở nước ta đến năm 2020 (gồm chính sách giá dầu thô, sản phẩm dầu và khí, chính sách giá than, chính sách giá điện) và việc quản lý quá trình hình thành, thực hiện chính sách đó.

Đề tài KHCN.09.08: "Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả" do Vụ quản lý KH&CN công nghiệp (Bộ KH, CN&MT) chủ trì, KS Nguyễn Thường làm chủ nhiệm, đã tập trung

nhiều năng lượng như xi măng, thép, gốm sứ, giấy, lò hơi công nghiệp, trong công nghệ nhiệt lạnh; hiện trạng và tiềm năng tiết kiệm nhiên liệu trong giao thông đường bộ và đường thủy; đánh giá tiềm năng tiết kiệm điện năng và hiệu quả của việc sử dụng DSM ở Việt Nam; sử dụng các mô hình để nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng của Việt Nam đến năm 2020 và cuối cùng đã kiến nghị một chiến lược và các chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở Việt Nam. Đặc biệt các đề tài đã chuẩn bị chu đáo để trình Bộ KH, CN&MT kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ để án xây dựng chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Đề tài KHCN.09.09: "Chiến lược, chính sách phát triển năng lượng nông thôn, miền núi" do Trường đại học bách khoa Hà Nội chủ trì, TS Đặng Đình Thống làm chủ nhiệm: Trên cơ sở hiện trạng và dự báo kinh tế - xã hội nông thôn nước ta đến năm 2020 đã đi vào đánh giá hiện trạng cung cầu năng lượng, dự báo và tính toán cân bằng năng lượng nông thôn đến năm 2020, từ đó đề xuất, kiến nghị chiến lược và chính sách năng lượng nông thôn cũng như các biện pháp tổ chức thực hiện.

Như vậy tính đến thời điểm này đã có 5 trong tổng số 11 đề tài thuộc Chương trình được nghiệm thu ở cấp nhà nước với 100% đạt loại xuất sắc, các đề tài còn lại hiện đang trong giai đoạn kết thúc.

Đặng Ngọc Bảo  
Tạp chí HĐKH

### VỀ CHƯƠNG TRÌNH...

(Tiếp theo trang 6)

định hình thành hệ thống bảo đảm về chất lượng giống. Ở các tỉnh các cơ sở kiểm định, kiểm nghiệm đặt dưới sự quản lý trực tiếp của sở NN&PTNT. Việc thu phí dịch vụ khảo, kiểm nghiệm giống thực hiện theo quy định trong Thông tư Liên bộ giữa Bộ NN&PTNT cùng các bộ liên quan.

#### 3 - Về chính sách.

Vốn ngân sách Nhà nước thuộc nguồn vốn xây dựng cơ bản sẽ đầu tư cho nâng cấp, hiện đại hoá các cơ quan nghiên cứu giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp để sản xuất giống gốc, giống siêu nguyên chủng, các dòng bố mẹ lai, giống đầu dòng, giống cụ kỵ, ông bà trong chăn nuôi; hỗ trợ, nâng cấp xây dựng các cơ sở nhân giống của doanh nghiệp sản xuất giống ở Trung ương và địa phương (trung tâm, trạm, trại, vườn giống, vùng sản xuất giống...). Đầu tư vào các hạng mục: Hệ thống tưới tiêu nước, cải tạo đồng ruộng, tường rào cách ly, nhà lưới, sân phơi, kho, hệ thống sấy, chế biến, bảo quản, mua sắm thiết bị...

Vốn ngân sách Nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khoa học sẽ đầu tư cho việc nhập nội, giữ nguồn gen, tuyển chọn giống, đào tạo huấn luyện, xây dựng hệ thống quản lý giống.

Vốn ngân sách địa phương sẽ đầu tư cho các cơ sở nhân giống địa phương và hỗ trợ một phần giá giống mới, hỗ trợ rủi ro khi sử dụng giống mới những năm đầu.

Vốn tín dụng Nhà nước cho các tổ chức và cá nhân vay đầu tư sản xuất giống theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thời hạn cho vay 2-3 năm với giống cây ngắn ngày và giống tiểu gia súc, gia cầm; 4-5 năm với giống cây công nghiệp, cây ăn quả; 8-10 năm với giống gia súc lớn và giống cây lâm nghiệp. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại Nhà nước và các tổ chức tín dụng thực hiện Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo đủ vốn và kịp thời cho nông dân vay mua giống.

Về thuế, thực hiện mức thuế nhập khẩu bằng 0% với các loại giống.

Nhà nước trợ giá 50% giá thành sản xuất giống gốc cấp bán cho màng lưới tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh giống thương mại. Hàng năm Bộ về các sở NN&PTNT xác định chủng loại và số lượng các loại giống cần thiết để đề phòng thiên tai, lập kế hoạch vốn mua giống dự trữ cho cả nước và địa phương theo kế hoạch hàng năm.

Phối hợp với các tỉnh tiến hành tổng kết chương trình giống, khen thưởng các tổ chức và cá nhân có thành tích trong nghiên cứu, lai tạo, tuyển chọn, nhân giống, cung ứng nhiều giống tốt cho nông dân. Tổ chức các cuộc thi giống theo vùng để khen thưởng động viên kịp thời.

Biên tập: Nguyễn Công Mai